

QUYẾT ĐỊNH

Về việc hỗ trợ lần đầu với các giáo viên tham gia giảng dạy áp dụng dạy học số

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT TP. HCM

Căn cứ quyết định số 426/QĐ-TTg ngày 27.10.1976 và quyết định số 118/2000-QĐ-TTg ngày 10.10.2000 của Thủ tướng chính phủ về tổ chức Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh;

Căn cứ chương 2 Điều lệ Trường Đại học ban hành kèm theo quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ kết quả của ban đánh giá các lớp dạy học số học kỳ 2, năm học 2014-2015 (quyết định số 1226/QĐ-ĐHSPKT ngày 11 tháng 06 năm 2015);

Căn cứ quyết định 180/QyĐ-ĐHSPKT ngày 08/10/2014 về chế độ chính sách tạm thời đối với giảng viên, cá nhân tham gia E/M Learning thử nghiệm,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thương cho các cá nhân sau đây (danh sách đính kèm) vì đã triển khai tốt các khóa học áp dụng dạy học số trong học kỳ 2 năm học 2014-2015

1. Cấp độ 1 có 30 khóa học
2. Cấp độ 2 có 08 khóa học
3. Cấp độ 3 có 03 khóa học

Điều 2. Mức thưởng cho các cấp độ theo điểm d, mục 4, qui định 180/QyĐ-ĐHSPKT ngày 08 tháng 10 năm 2014

Điều 3. Trưởng các phòng: Tổ chức cán bộ, kế hoạch tài chính, phòng quản lý khoa học và quan hệ quốc tế và các cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này

Nơi nhận:

- BGH (để biết);
- Như điều 3;
- Đăng website nội bộ;
- Lưu VT, TT DHS.



Tp. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm

DANH SÁCH

HỖ TRỢ LẦN ĐẦU ĐỐI VỚI KHÓA HỌC ÁP DỤNG DẠY HỌC SỐ

(Kèm theo quyết định số 1422/QĐ-ĐHSPKT ngày 16/7/2015 của Hiệu trưởng Trường đại học Sư Phạm Kỹ Thuật Tp.HCM)

1. Trích Quy định 180/QyĐ-ĐHSPKT hỗ trợ lần đầu tiên đối với mỗi môn học :

Hình thức hỗ trợ	Cấp độ 1	Cấp độ 2	Cấp độ 3
Kinh phí thực hiện	500.000	2.500.000	5.000.000
Giảm tiết nghiên cứu khoa học	90 tiết	120 tiết	180 tiết
Giảm số tiết dạy trên lớp		Tối đa 30%	Tối đa 50%
Tặng giấy khen của hiệu Trường			✓
Ưu tiên mời tham gia các hoạt động, chương trình hợp tác quốc tế liên quan đến dạy học số		✓	✓

2. Danh sách :

STT	Họ và tên giáo viên	Đơn vị	Môn học	Mức hỗ trợ	Hỗ trợ kinh phí (nghìn đồng)	Hỗ trợ giảm tiết NCKH
1.	Nguyễn Trọng Hiếu	Khoa Cơ Khí Chế Tạo Máy	Công nghệ CAD/CAM/CNC cơ bản	1	500	90
2.	Nguyễn Trọng Hiếu	Khoa Cơ Khí Chế Tạo Máy	Anh văn chuyên ngành cơ khí	1	500	90
3.	Phạm Thị Hồng Nga	Khoa Cơ Khí Chế Tạo Máy	Vật liệu học	1	500	90
4.	Đỗ Văn Dũng	Khoa Đào Tạo Chất Lượng Cao	Hệ thống điện - điện tử ô tô	2	2,500	120
5.	Nguyễn Minh Triết	Khoa Đào Tạo Chất Lượng Cao	Vi điều khiển ứng dụng	2	2,500	120
6.	Nguyễn Bá Hải	Khoa Đào Tạo Chất Lượng Cao	Ứng dụng máy tính trong đo lường và điều khiển	2	2,500	120
7.	Nguyễn Phương Quang	Khoa Đào Tạo Chất Lượng Cao	Kỹ thuật số	2	2,500	120
8.	Nguyễn Phương Quang	Khoa Đào Tạo Chất Lượng Cao	Kỹ thuật số	2	2,500	120
9.	Nguyễn Trọng Thức	Khoa Cơ Khí Động Lực	Vi điều khiển ứng dụng	1	500	90
10.	Lê Thanh Phúc	Khoa Cơ Khí Động Lực	Hệ thống điện – điện tử ô-tô	1	500	90
11.	Lê Thanh Phúc	Khoa Cơ Khí Động Lực	Mô hình hóa và mô phỏng ô-tô	1	500	90

STT	Họ và tên giáo viên	Đơn vị	Môn học	Mức hỗ trợ	Hỗ trợ kinh phí (nghìn đồng)	Hỗ trợ giảm tiết NCKH
12.	Lê Thanh Phúc	Khoa Cơ Khí Động Lực	Hệ thống điều khiển tự động trên ô-tô	1	500	90
13.	Quyền Huy Ánh	Khoa Điện – Điện tử	Cung cấp điện	1	500	90
14.	Lê Trọng Nghĩa	Khoa Điện – Điện tử	Cung cấp điện	1	500	90
15.	Dương Thị Cẩm Tú	Khoa Điện – Điện tử	Điện tử cơ bản	3	5,000	180
16.	Đặng Trường Sơn	Khoa Công Nghệ Thông Tin	Bảo mật thông tin	1	500	90
17.	Nguyễn Hữu Trung	Khoa Công Nghệ Thông Tin	Lập trình Microsoft Access	3	5,000	180
18.	Nguyễn Hữu Trung	Khoa Công Nghệ Thông Tin	Lập trình Visual Basic 6.0	3	5,000	180
19.	Nguyễn Thị Anh Vân	Khoa Kinh Tế	Nhập môn quản trị chất lượng	1	500	90
20.	Nguyễn Thị Huyền Trâm	Khoa Kinh Tế	Kế toán hành chính sự nghiệp	1	500	90
21.	Võ Thị Ngà	Khoa Công Nghệ Hóa và Thực Phẩm	Hóa đại cương	1	500	90
22.	Nguyễn Hà Trang	Khoa Công Nghệ Hóa và Thực Phẩm	An toàn sức khỏe – môi trường	1	500	90
23.	Nguyễn Hà Trang	Khoa Công Nghệ Hóa và Thực Phẩm	Công nghệ môi trường	1	500	90

STT	Họ và tên giáo viên	Đơn vị	Môn học	Mức hỗ trợ	Hỗ trợ kinh phí (nghìn đồng)	Hỗ trợ giảm tiết NCKH
24.	Trình Thị Thanh Giang	Khoa Ngoại Ngữ	Nghe nói 4	1	500	90
25.	Lê Mai Hiền Trang	Khoa Ngoại Ngữ	Đọc 4 (reading 4)	1	500	90
26.	Trần Thị Như Trang	Khoa Ngoại Ngữ	Viết 4	1	500	90
27.	Trần Thị Như Trang	Khoa Ngoại Ngữ	Đọc 4	1	500	90
28.	Trần Hoàng Linh	Khoa Ngoại Ngữ	Anh Văn 2	2	2,500	120
29.	Hoàng Trọng Mai Sương	Khoa Ngoại Ngữ	Nghe nói 4	1	500	90
30.	Phan Vũ Bình Minh	Khoa Ngoại Ngữ	Anh Văn 2	1	500	90
31.	Đặng Bá Ngoạn	Khoa Ngoại Ngữ	Anh Văn 2	1	500	90
32.	Nguyễn Hồng Nhung	Khoa Khoa Học Cơ Bản	Xác suất thống kê và ứng dụng	2	2,500	120
33.	Hoàng Nguyên Lý	Khoa Khoa Học Cơ Bản	Toán cao cấp A3	1	500	90
34.	Nguyễn Lê Vân Thanh	Khoa Khoa Học Cơ Bản	Vật lý đại cương A1	1	500	90
35.	Trần Thị Ngọc Lam	Khoa Khoa Học Cơ Bản	Vật lý đại cương A1	1	500	90
36.	Trần Thị Khánh Chi	Khoa Khoa Học Cơ Bản	Vật lý đại cương A1	1	500	90
37.	Phan Gia Anh Vũ	Khoa Khoa Học Cơ Bản	Vật lý đại cương A2	1	500	90
38.	Phan Gia Anh Vũ	Khoa Khoa Học Cơ Bản	Vật lý đại cương A1	1	500	90

STT	Họ và tên giáo viên	Đơn vị	Môn học	Mức hỗ trợ	Hỗ trợ kinh phí (nghìn đồng)	Hỗ trợ giảm tiết NCKH
39.	Huỳnh Hoàng Trung	Khoa Khoa Học Cơ Bản	Vật lý đại cương A2	1	500	90
40.	Ngô Anh Tuấn	Viện Sư Phạm Kỹ Thuật	Lý thuyết pha màu và phục chế	2	2,500	120
41.	Nguyễn Minh Khánh	Viện Sư Phạm Kỹ Thuật	Ứng dụng công nghệ trong dạy học	1	500	90

Danh sách này có **41** khóa học.

